

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **219/2022/HS-PT**

Ngày: 16-9-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Tú.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tấn Đức.

Ông Hoàng Kim Khánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 203/2022/TLPT-HS ngày 18/8/2022 đối với bị cáo Phùng Thị Thanh D, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2022/HS-ST ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk.

*Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: **Phùng Thị Thanh D**, sinh năm 2001, tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Thôn M1, xã C, huyện C1, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Triệu H1 (đã chết) và bà Đỗ Thị S; có chồng Huỳnh Ngọc T và có 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H’Leo ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/01/2021 - Có mặt tại phiên tòa.

*Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, kháng nghị, không bị kháng cáo, kháng nghị.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Lê Văn V và Phùng Thị Thanh D có quan hệ tình cảm yêu đương và chung sống với nhau như vợ chồng tại thị trấn S1, huyện S1, tỉnh Gia Lai. Để nhằm

chiếm đoạt tài sản của người khác, ngày 29/11/2019, V đến thuê nhà nghỉ “M” ở thị trấn D1, huyện E, rồi lên mạng xã hội Facebook tìm hiểu về dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái tại khu vực thị trấn D1. Sau khi tìm kiếm thấy trang cho thuê xe tự lái tại thị trấn D1, V sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0846.122.281 gọi đến số 0945.688.877 của anh Nguyễn Xuân P hỏi thủ tục thuê xe ô tô tự lái thì V được anh P cho biết thủ tục thuê xe tự lái cần chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe. V tiếp tục lên mạng xã hội Facebook tìm trang làm giả giấy tờ rồi đặt làm giả chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe ô tô, sau đó V gửi ảnh chân dung của mình cho đối tượng nhận làm giả chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe, hai ngày sau V nhận được chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe giả mang tên Đậu Quang H. Ngày 01/12/2019, V điện thoại cho Phùng Thị Thanh D đến cửa hàng xe máy của anh Nguyễn Đức Hoàng D2 ở Tổ dân phố A, thị trấn S1, huyện S1, tỉnh Gia Lai, lấy xe mô tô biển số: 81D1- 019.51 mà V đã nhờ chị Phan Thị C2 mua trước đó để D điều khiển sang thị trấn D1, huyện E gặp V. Tại nhà nghỉ M, V nói với D điện thoại cho anh Nguyễn Xuân P và anh Khúc Văn H2 hỏi thủ tục thuê xe ô tô, nếu người ta có hỏi thì nói là nhân viên của cửa hàng Điện máy X, huyện E. Sau khi điện thoại D nói với V thủ tục thuê xe cần chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe, rồi V điều khiển xe mô tô biển số: 81D1- 019.51 chở D đi đến đường Trần Quốc T1, tổ dân phố R, thị trấn D1, huyện E gặp anh H2. Khi đi, V mang theo chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe giả mang tên Đậu Quang H có ảnh chân dung của V đã đặt làm giả từ trước. Đến nhà anh H2, anh H2 hỏi D làm ở đâu, D nói làm ở Điện máy X huyện E, anh H2 yêu cầu D đưa chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe để làm hợp đồng thuê xe thì D nói là để quên ở nhà nhưng người yêu tức là V có chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe. V tự xưng tên là Đậu Quang H, sinh năm 1985, trú tại xã K, thành phố B và sử dụng chứng minh nhân dân giả có số 240808803, do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 23/5/2007 và giấy phép lái xe giả loại A1, D, số 700111001966, do Sở Giao thông Vận tải thành phố P1 cấp ngày 16/11/2015, đều mang tên Đậu Quang H nhưng dán hình ảnh chân dung của V đưa cho anh H2 để làm thủ tục thuê xe ô tô. Sau khi xem các loại giấy tờ, anh H2 làm hợp đồng cho V thuê xe ô tô Chevrolet Cruze, biển số: 47A-302.64, thời hạn thuê từ ngày 01/12/2019 đến ngày 03/12/2019, giá thuê là 600.000 đồng/01 ngày, trong lúc làm hợp đồng D cũng có mặt và chứng kiến. Anh H2 chụp lại hình chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe, dẫn V và D đến nơi để xe rồi lấy xe ô tô giao cho V và D, V và D để lại xe mô tô biển số: 81D1-019.51 và đăng ký xe mang tên Lê Thị T2 để làm tin. Sau khi nhận xe ô tô, V điều khiển chở D về huyện S1, tỉnh Gia Lai. Ngày 04/12/2019, V liên lạc với Đoàn Văn T3 rồi chở T3 đi huyện T4, tỉnh Gia Lai chơi thì được T3 đồng ý; V điều khiển xe ô tô chở T3 đi huyện T4 rồi tiếp tục chở T3 đi thị xã K1,

tỉnh Gia Lai. Trên đường đi đến thị xã K1, tỉnh Gia Lai, V đã trao đổi và nhờ T3 mang xe ô tô đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Vì có mối quan hệ quen biết, T3 biết rõ xe ô tô không phải của V nhưng vẫn đồng ý, sau đó V và T3 liên hệ các tiệm cầm đồ để cầm xe ô tô nhưng các chủ tiệm cầm đồ yêu cầu xe chính chủ mới cho cầm. Lúc này, V dùng điện thoại di động chụp hình chân dung của T3 rồi nói T3 vào tiệm bên đường rửa ảnh chân dung đưa lại cho V. Trên xe ô tô, V dùng dao lam cắt ảnh của một chứng minh nhân dân giả mang theo từ trước thay ảnh của T3 vào rồi tiếp tục dùng dao lam cắt các chữ cái lại làm thành chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Xuân P có năm sinh và địa chỉ phù hợp với tên trong đăng ký xe ô tô, có sự chứng kiến của T3. Sau khi làm được chứng minh nhân dân giả mang tên Nguyễn Xuân P, V điều khiển xe ô tô chở T3 đi tìm nơi cầm cố; khi đi đến tiệm cầm đồ “Z” ở đường Q, phường A1, thị xã K1, tỉnh Gia Lai, do anh Phan Ngọc T5 làm chủ, V lấy số điện thoại trên bảng hiệu và gọi thì anh T5 hẹn đến 18 giờ cùng ngày mới cầm được xe. V và T3 ngồi uống cà phê đợi đến 18 giờ cùng ngày thì T3 bắt xe taxi mang theo chứng minh nhân dân giả Nguyễn Xuân P, có số 215530492, do Công an tỉnh Bình Định cấp ngày 26/3/2016 cùng đăng ký xe ô tô, đến gặp anh T5 và thỏa thuận việc cầm xe. T3 nói với anh T5 “có chiếc xe ô tô bố mới mua cho, nhưng do nợ nần nên cần thế chấp để trả nợ, nếu mình không chuộc thì bố sẽ đến chuộc” và đề nghị anh T5 cho cầm cố từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, anh T5 đồng ý cho cầm cố với số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, T3 điện thoại cho V mang xe ô tô đến cho T5 xem. Sau khi xem xe, anh T5 làm hợp đồng cho T3 cầm số tiền 150.000.000 đồng; T3 nhận tiền và ký trong hợp đồng thuê xe tên Nguyễn Xuân P. Sau khi nhận được tiền, T3 đưa cho V và V đã dùng số tiền này để trả nợ, tiêu xài cá nhân (Bút lục số 472 đến 523).

Tại Biên bản kết luận định giá tài sản số: 942 ngày 26/12/2019 của Hội đồng định giá huyện E, kết luận: Xe ô tô biển số: 47A - 302.64, có giá trị là 275.000.000 đồng (Bút lục số 245).

Tại Bản kết luận giám định số: 1106 ngày 17/12/2020, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ, kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Đậu Quang H dưới mục “Đại diện bên B” trên mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Lê Văn V trên mẫu so sánh, là do cùng một người ký và viết ra (Bút lục số 233).

Tại Bản kết luận giám số: 86 ngày 07/02/2020, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ, kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Xuân P dưới mục “Người nhận tiền” trong hợp đồng cầm đồ số 04 đề ngày 04/12/2019 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Xuân P trong các tài liệu so sánh, là không phải do cùng một người ký và viết ra (Bút lục số 193).

Xác minh tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Đ cho thấy giấy chứng minh nhân dân số 240808803, do Công an tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 23/5/2007 cho Đậu Quang H, sinh ngày 15/02/1985, nơi đăng ký HKTT: Thôn Y, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Xác minh tại gia đình Đậu Quang H và UBND xã K, thành phố B, cho thấy Đậu Quang H đã chết từ ngày 10/3/2011; xác minh tại Sở Giao thông Vận tải thành phố P1, cho thấy Sở Giao thông Vận tải thành phố P1 không cấp giấy phép lái xe loại A1, D, số: 700111001966 ngày 16/11/2015 cho Đậu Quang H, sinh năm 1985, nơi cư trú: Xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Bản kết luận giám định số: 1105 ngày 18/12/2020, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ, kết luận: Chữ ký mang tên Nguyễn Xuân P dưới mục “người nhận tiền” trong tài liệu cần giám định khác dạng so với chữ ký đứng tên Đoàn Văn T3 trong các tài liệu mẫu so sánh, nên không tiến hành giám định; chữ viết có nội dung “Nguyễn Xuân P” dưới mục “người nhận tiền” trong tài liệu cần giám định so với chữ viết đứng tên Đoàn Văn T3 trong các tài liệu mẫu so sánh, là do cùng một người viết ra (Bút lục số 227).

Xác minh tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Đ1 cho thấy chứng minh nhân dân có số 215530492, được Công an tỉnh Bình Định cấp cho Nguyễn Văn M2, sinh ngày 13/7/1989, ngày 08/12/2015; không cấp cho Nguyễn Xuân P (Bút lục số 335).

Xác minh tại cửa hàng Điện máy X huyện E, không có ai tên D làm tại cửa hàng (Bút lục số 375).

Quá trình điều tra, các bị can khai nhận còn thực hiện các hành vi phạm tội khác, cụ thể:

**Vụ thứ nhất:** Vào khoảng tháng 01/2020, Lê Văn V lên mạng xã hội Facebook liên hệ và gửi ảnh chân dung tới tài khoản “Nhận làm giấy tờ giả” đặt làm giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu giả với giá tiền là 4.500.000 đồng. Sau đó, V nhận được giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Huỳnh Đình T6, có địa chỉ ở xã I, huyện S1, tỉnh Gia Lai và sổ hộ khẩu có địa chỉ ở thôn C3, xã I1, huyện S1, tỉnh Gia Lai. Khoảng 19 giờ ngày 30/01/2020, V mang chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu nói trên đến cửa hàng xe máy Honda “N” ở Tổ dân phố R1, thị trấn S1, huyện S1, tỉnh Gia Lai để làm thủ tục mua xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu xanh bạc, biển số: 81P1 - 324.75, với giá 62.000.000 đồng bằng hình thức trả góp. V đã trả trước cho cửa hàng “N” 12.000.000 đồng, số tiền còn lại V ký hợp đồng vay tiêu dùng số 66120000005597000, với Công ty tài chính TNHH Một thành viên J (gọi tắt là Công ty), do chị Đỗ Thị Thanh H3, là nhân viên của Công ty làm hợp đồng. V ký hợp đồng vay tiền với thông tin giả theo chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu, có tên là Huỳnh Đình T6 để vay số tiền

49.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, trả góp hàng tháng là 4.854.691 đồng, khi nào trả hết nợ Công ty sẽ trả cho V giấy chứng nhận đăng ký xe (bản chính). Tháng 02/2020, Lê Văn V sử dụng giấy chứng minh nhân dân có tên Nguyễn Trường T7, địa chỉ xã I1, huyện S1, tỉnh Gia Lai, V nhật được trước đó rồi thay hình ảnh gắn trong chứng minh nhân dân bằng ảnh chân dung của Đoàn Văn T3 đồng thời lên mạng xã hội Facebook liên hệ, gửi thông tin tới tài khoản “Nhận làm giấy tờ giả” đặt làm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả của xe mô tô biển số: 81P1- 324.75 với nội dung: Chủ xe Nguyễn Trường T7, sinh năm 1993, địa chỉ xã I1, huyện S1, tỉnh Gia Lai. Ngày 21/02/2020, V đưa cho T3 01 giấy chứng minh nhân dân giả đề họ tên Nguyễn Trường T7, sinh ngày 30/12/1993, dán hình chân dung của T3 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả mang tên Nguyễn Trường T7, sinh năm 1993, địa chỉ xã I1, huyện S1, tỉnh Gia Lai do V làm giả trước đó và nói với T3 đem đi cầm cố chiếc xe mô tô 81P1 - 324.75, V sẽ chia tiền cho T3 thì được T3 đồng ý. T3 điều khiển xe mô tô 81P1 - 324.75 đi đến cửa hàng cầm đồ “ V1” tại Tổ dân phố A, thị trấn S1, huyện S1, tỉnh Gia Lai. Tại đây, T3 đưa chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe giả mang tên Nguyễn Trường T7 ra rồi nói với chị Nguyễn Thị N1 (chủ cửa hàng cầm đồ V1), T3 tên thật là Nguyễn Trường T7 muốn cầm cố xe mô tô 81P1 - 324.75, với số tiền 30.000.000 đồng. Chị N1 đồng ý và làm hợp đồng cầm cố cho T3 trong thời hạn 01 tháng, chị N1 đưa trước cho T3 số tiền 20.000.000 đồng, đến ngày 22/02/2020 chị N1 đưa tiếp cho T3 số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, T3 đưa lại cho V, số tiền này V sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Ngày 31/8/2020, Đoàn Văn T3 đến đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình (Bút lục số 560 đến 580).

Tại Bản kết luận giám định số: 634 ngày 31/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G, kết luận: Giấy chứng minh nhân dân số 230925417, mẫu cần giám định là giả; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 017551, đều có tên Nguyễn Trường T7, mẫu cần giám định là giả (Bút lục số 199).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 48 ngày 30/7/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S1, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, biển số 81P1 – 324.75, trị giá 44.200.000 đồng (Bút lục số 256).

**Vụ thứ hai:** Vào tháng 6/2020, do có mối quan hệ quen biết nên Lê Văn V thường xuyên mượn xe mô tô, hiệu Honda SH - Mode, biển số 81P1 - 291.71 của anh Nguyễn Mạnh H4 để đi lại. Trong quá trình sử dụng, V thấy trong cốp xe có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị Phương D3. Nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh H4, V lên mạng xã hội Facebook đặt mua giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Trần Thị Phương D3 cho trùng với tên đăng ký xe. Sau khi có giấy chứng minh nhân dân giả, vào khoảng 18 giờ ngày 01/7/2020, V

đi cùng Phùng Thị Thanh D đến gặp anh H4 tại nhà của anh Phan Viết Đại D4 ở tổ dân phố O, thị trấn S1, huyện S1. Lúc này, V hỏi anh H4 mượn xe mô tô để đi công việc, anh H4 đồng ý cho V mượn. Khoảng 22 giờ cùng ngày, V điều khiển xe mô tô chở D đến nhà nghỉ “H5” ở phường P2, thành phố P3, tỉnh Gia Lai. Tại đây, V sử dụng mạng xã hội để liên hệ, trao đổi với anh Nguyễn Phạm Hoàng N2 chủ cửa hàng cầm đồ “N3”, địa chỉ đường W, Phường I2, thành phố P3, tỉnh Gia Lai, về việc V có em họ muốn cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Honda SH - Mode với số tiền 20.000.000 đồng thì được anh N2 đồng ý và hẹn anh N2 đến nhà nghỉ “H5” để làm thủ tục cầm cố. Sau đó, V đưa cho D giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81P1 - 291.71 bản gốc; 01 giấy chứng minh nhân dân giả tên Trần Thị Phương D3 và chìa khóa xe, nói với D mang xe xuống nhà nghỉ H5 gặp anh N2. Khi gặp anh N2, D tự xưng là Trần Thị Phương D3 chủ xe mô tô rồi đưa giấy tờ cho anh N2 để làm hợp đồng cầm cố. Sau đó, anh N2 làm hợp đồng cầm cố và đưa cho D thì D ký tên “Dung” vào hợp đồng rồi anh N2 chuyển cho V số tiền 20.000.000 đồng qua tài khoản N4 hàng Vietcombank số 0291000327522 của V, số tiền này V tiêu xài cá nhân hết. Sau khi cho V mượn xe, không thấy V trả lại, khoảng 15 giờ ngày 02/7/2020, anh H4 tìm gặp V thì V nói đã mang xe đi cầm lấy số tiền 20.000.000 đồng, V đưa cho anh H4 tờ giấy hợp đồng thế chấp xe mô tô tại tiệm cầm đồ “N3”. Ngày 06/7/2020, anh H4 đến cửa hàng cầm đồ của anh N2 lấy xe mô tô và trả số tiền 15.000.000 đồng cho anh N2, đồng thời giao nộp xe mô tô cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (Bút lục số 601 đến 619; 634 đến 668; 732 đến 753; 778 đến 894).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 49 ngày 30/7/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện S1, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH-Mode, biển số: 81P1 - 291.71, có giá trị 46.400.000 đồng (Bút lục số 250).

Tại Bản kết luận giám định số: 633 ngày 01/9/2020, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ, kết luận: Giấy chứng minh nhân dân số 231521716, mẫu cần giám định là giả (Bút lục số 204).

Tại Bản kết luận giám định số: 1100 ngày 21/12/2020, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ, kết luận: Chữ ký viết mang tên “Dung” dưới mục “người nhận tiền” trong tài liệu cần giám định so với chữ viết đứng tên Phùng Thị Thanh D trong các tài liệu mẫu so sánh, là do cùng một người viết ra (Bút lục số 221).

**Vụ thứ ba:** Theo lời khai của Lê Văn V thì vào khoảng 01/2020, có nhiều đối tượng ở nhiều địa phương khác nhau nhờ V làm giấy tờ giả nên V đã lên mạng xã hội Facebook cung cấp thông tin và đặt làm giả các loại giấy tờ như giấy chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe mô tô, giấy phép lái xe, căn cước công dân,... cho những đối tượng đã đặt V làm trước đó; mục đích sau khi nhận các loại giấy tờ

giả, V trả cho người đã đặt làm để lấy tiền lời. V đã đặt làm nhiều trang mạng xã hội, sau khi lấy các loại giấy tờ giả này về không có ai đến lấy nên V giữ lại và đã sử dụng giấy chứng minh nhân dân số 240935110 mang tên Lê Văn N4, sinh ngày 12/11/1989, HKTT: Xã X1, huyện R2, tỉnh Đắk Lắk, ngày cấp 01/09/2012 rồi tự dán ảnh chân dung của mình vào giấy chứng minh. Thời gian sau V đến đăng ký lưu trú tại nhà nghỉ “H5” ở phường P2, thành phố P3, tỉnh Gia Lai. Khi không còn ở tại nhà nghỉ, V đã bỏ đi không trả tiền thuê phòng và để lại chứng minh nhân dân nêu trên tại nhà nghỉ. Số giấy tờ còn lại gồm: 19 giấy chứng minh nhân dân; 13 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy; 01 giấy phép lái xe số 461133012906; 01 căn cước công dân số 015089000026; 01 giấy số AD950033; 01 giấy số AC196736; 01 thẻ có hình vuông mặt kim loại. V dán ảnh chân dung của V vào 13 giấy chứng minh nhân dân ép dẻo rồi mang bỏ vào ba lô, sau đó V đến ở nhờ và gửi tại nhà anh rể tên Ngô Anh T8 ở tổ dân phố X2, thị trấn S1, huyện S1, tỉnh Gia Lai; đồng thời đưa cho Phùng Thị Thanh D 01 giấy chứng minh nhân dân họ tên Trần Nguyễn Thảo H6, V tự lấy ảnh của Phùng Thị Thanh D dán vào giấy chứng minh nhân dân này (Bút lục số 517).

Ngày 21/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của anh Ngô Anh T8, kết quả khám xét thấy một số giấy tờ của Lê Văn V đã gửi ở nhà anh T8; anh T8 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra, các giấy tờ gồm: 03 giấy chứng minh nhân dân số 240935110, họ tên: Lê Văn N4, sinh ngày 25/11/1989; 02 giấy chứng minh nhân dân số 230119094 và số 023119094, họ tên: Lê Văn C4, sinh ngày 13/09/1977; 04 giấy chứng minh nhân dân số 112275680, họ tên: Nguyễn Đình T9, sinh ngày 15/2/1988; 01 giấy chứng minh nhân dân số 011920767, họ tên: Phạm Ngọc C5, sinh ngày 01/08/1978; 03 giấy chứng minh nhân dân số 230668237, họ tên: Nguyễn Quang T10, sinh ngày 07/08/1976 và sinh ngày 07/08/1984; 01 giấy chứng minh nhân dân số 164207312, họ tên: Vũ Ngọc S2, sinh ngày 06/5/1980; 01 giấy chứng minh nhân dân số 260863880, họ tên: Lê Thanh T11, sinh ngày 12/3/1978; 01 giấy chứng minh nhân dân số 231156570, họ tên: Nguyễn C6, sinh ngày 06/12/1996; 01 giấy chứng minh nhân dân số 241291505, họ tên: Trần Quang T12, sinh ngày 20/12/1992; 01 giấy chứng minh nhân dân số 230983264, họ tên: Lê Văn T13, sinh ngày 12/07/1995; 03 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 017551, biển số 81P1-314.89, họ tên: Trần Nguyễn Thảo H7; 03 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 017551, biển số 81P1-314.89, họ tên: Nguyễn Ngọc S3; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 017551, biển số 81P1-314.89, họ tên: Nguyễn T14; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 017551, biển số 81P1-314.89, họ tên: Nguyễn Quang T10; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 020750, biển số 81P1-237.13, họ tên: Nguyễn

Quang T10; 01 giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô, xe máy, số 017551, biển số 81P1-243.56, họ tên: Lê Thanh T11; 01 giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô, xe máy, số 014621, biển số 81P1-291.71, họ tên: Trần Thị Phương D3; 01 giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô, xe máy, số 015301, biển số 81P1-297.86, họ tên: Lê Văn V; 01 giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô, xe máy, số 057261, biển số 47M1-341.86, họ tên: Lê Văn N4; 01 giấy phép lái xe, số 461133012906, họ tên: Pháp S4, sinh ngày 02/09/1982; 01 căn cước công dân, số 015089000026, họ tên: Phạm Sơn T15, sinh ngày 08/02/1989; 01 giấy số: 010103033708, họ tên: Nguyễn Đình T9, sinh ngày 15/02/1988; 01 giấy, số 370086026118, họ tên: Vũ Ngọc S2, sinh ngày 06/05/1980; 01 giấy, số AD950033; 01 giấy, số AC196736; 01 thẻ có hình vuông mặt kim loại. Ngày 21/8/2020, Phùng Thị Thanh D đã giao nộp 01 giấy chứng minh nhân dân số 231239323, họ tên Trần Nguyễn Thảo H6, cấp ngày 30/03/2020. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, xác định tất cả các giấy tờ V khai nhận đã đặt làm của người khác đều không có tên và địa chỉ (Bút lục số 188, 191).

Ngày 14/11/2020, bà Nguyễn Thị Thu H5 đã giao nộp: 01 giấy chứng minh nhân dân số 240935110 mang tên Lê Văn N4, sinh ngày 12/11/1989, Nơi ĐKKHTT: Xã X1, huyện R2, tỉnh Đắk Lắk, ngày cấp 01/09/2012 (Bút lục số 312).

Tại Bản kết luận giám định số: 636 ngày 10/9/2020, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G, kết luận: 19 giấy chứng minh nhân dân, gồm các số: 112275680 (04 giấy); 230668237 (03 giấy); 240935110 (03 giấy); 230119094; 023119094; 231239323; 231156570; 230983264; 241291505; 260863880; 011920767 và 164207312 mẫu cần giám định là giả. 13 (mười ba) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, gồm các số: 017551 (09 giấy); 020750; 014621; 015301 và 057261 mẫu cần giám định là giả; 01 (một) giấy phép lái xe số 461133012906 mẫu cần giám định là giả; đối với 01 căn cước công dân số 015089000026 yêu cầu bổ sung mẫu so sánh (Bút lục số 215, 216).

Tại Bản kết luận giám định số: 43 ngày 15/01/2021, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ, kết luận: 01 giấy chứng minh nhân dân số 240935110 và 01 căn cước công dân số 015089000026, mẫu cần giám định là giả (Bút lục số 239).

Tại Bản kết luận giám định số: 43 ngày 15/01/2021, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ, kết luận: Giấy chứng minh nhân dân số 240935110, mang tên Lê Văn N4, ghi Giám đốc Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 01/9/2012, là giấy chứng minh nhân dân giả; căn cước công dân số 015089000026, mang tên Phạm Sơn T15, ghi Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 11/7/2019, là căn cước công dân giả (Bút lục số 239).



*Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2020/HS-ST ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Phùng Thị Thanh D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

**2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:**

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phùng Thị Thanh D 04 (Bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án hoặc tự nguyện thi hành án.

Ngoài ra cấp sơ thẩm tuyên về hình phạt đối với 02 bị cáo khác, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/6/2022 bị cáo Phùng Thị Thanh D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận bị cáo quen biết và sống chung với V từ cuối năm 2019. Ngày 01/12/2019, V điện thoại cho bị cáo đến cửa hàng xe máy của anh Nguyễn Đức Hoàng D2 ở Tổ dân phố A, thị trấn S1, huyện S1, tỉnh Gia Lai, lấy xe mô tô biển số: 81D1-019.51 mà V đã nhờ chị Phan Thị C2 mua trước đó để bị cáo điều khiển sang thị trấn D1, huyện E gặp V. Tại nhà nghỉ M, V đọc số điện thoại của cơ sở cho thuê xe tự lái và nói bị cáo điện thoại hỏi thủ tục thuê xe ô tô và dặn bị cáo nếu người ta có hỏi thì nói là nhân viên của cửa hàng Điện máy X, huyện E. Sau khi liên hệ thì cơ sở cho thuê xe tự lái cho biết thủ tục thuê xe cần chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe. Sau đó V điều khiển xe mô tô biển số: 81D1-019.51 chở bị cáo đi đến đường Trần Quốc T1, thị trấn D1, huyện E gặp anh H2. Khi đến nhà anh H2, anh H2 hỏi bị cáo làm ở đâu, bị cáo nói làm ở Điện máy X huyện E, bị cáo nói như vậy mục đích là để việc thuê xe được thuận lợi. Khi làm thủ tục thuê xe thì V là người trực tiếp vào làm việc và ký hợp đồng với anh H2. Việc V sử dụng các loại giấy tờ nào thì bị cáo không biết. Sau khi thuê được xe thì V để lại chiếc xe mô tô 81D1-019.51 tại cơ sở cho thuê xe và điều khiển xe ô tô chở bị cáo về lại Gia Lai. Sau đó V đi đâu và làm gì thì bị cáo không biết, việc V có ý định lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô của cơ sở cho thuê xe từ khi nào thì bị cáo không biết, số tiền V đem cầm cố chiếc xe ô tô được bao nhiêu và dùng vào việc gì thì bị cáo cũng không biết. Đối với chiếc xe mô tô biển số 81P1 - 291.71 mà bị cáo đã giúp V cầm cố cho anh N2 vào ngày 01/7/2020 thì bị cáo biết chiếc xe trên của anh Nguyễn Mạnh H4 nhưng vì V nói bị cáo xuống đưa xe và giấy tờ xe cho anh N2

và ký tên Trần Thị Phương D3 vào giấy cầm đồ thì bị cáo biết là sai và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phùng Thị Thanh D về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS, xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định là đã có sự cân nhắc xem xét, chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 bộ luật hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 37/2022/HS-ST ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo khác tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 01/7/2020 Phùng Thị Thanh D cùng đi với Lê Văn V đến nhà anh Nguyễn Mạnh H4 mượn xe mô tô hiệu Honda SH-Mode biển số 81P1-291.71 để làm thủ tục cầm cố, bị cáo cầm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô bản gốc; 01 giấy chứng minh nhân dân giả tên Trần Thị Phương D3 và chìa khóa xe do V đưa, đi gặp anh Nguyễn Phạm Hoàng N2, khi gặp anh N2, bị cáo tự xưng là Trần Thị Phương D3 chủ xe mô tô rồi đưa giấy tờ cho anh N2 để làm hợp đồng cầm cố, bị cáo đã ký tên “Dung” vào hợp đồng. Hành vi của bị cáo đã giúp Lê Văn V chiếm đoạt được số tiền 20.000.000 đồng của anh N2. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phùng Thị Thanh D về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Đối với hành vi lừa đảo và chiếm đoạt của anh Khúc Văn H2 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Cruze, biển số 47A - 302.64, tài sản chiếm đoạt trị giá trị

275.000.000 đồng vào ngày 01/7/2020 thì bị cáo không biết bị cáo V dùng giấy tờ giả để thuê xe nhằm chiếm đoạt tài sản. Bị cáo có nói với anh H2 bị cáo làm ở Điện máy X cũng chỉ nhằm mục đích cho V thuê xe được thuận tiện. Còn V dùng giấy tờ giả để thuê xe nhằm mục đích chiếm đoạt thì bị cáo không biết. Tại thời điểm thuê xe (01/12/2019) thì bị cáo cũng mới quen biết V, không biết V sinh sống bằng nghề gì, chưa cùng V thuê xe cũng như cầm cố xe lần nào, việc V có ý định thuê xe để chiếm đoạt tài sản thì bị cáo không biết. Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo V và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, không có căn cứ để xác định bị cáo là đồng phạm giúp sức cho V trong việc lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe ô tô trên. Cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo đã đồng phạm với V trong việc chiếm đoạt chiếc xe ô tô nên đã xét xử bị cáo theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là chưa đúng sự thực khách quan của vụ án. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm về điều khoản áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo.

Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho anh Nguyễn Mạnh H4 số tiền 20.000.000 đồng và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo còn là người dân tộc thiểu số hiểu biết về pháp luật có phần hạn chế. Vì vậy, cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phùng Thị Thanh D – Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2022/HS-ST ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phùng Thị Thanh D 02 (Hai) năm tù về tội “Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án hoặc tự nguyện thi hành án.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phùng Thị Thanh D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- V phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- TAND huyện Ea H’Leo;
- VKSND huyện Ea H’Leo;
- Công an huyện Ea H’Leo;
- Chi cục THADS huyện huyện E;
- Những người TGT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Vũ Văn Tú**